

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;
2. Bà Trần Thị Phiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST- HNGĐ, ngày 11/03/2025 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 9/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Tấn L, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm P, TT. C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà La Thị P, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm P, TT. C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Phan Tấn L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông L và bà P do quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng do cuộc sống khó khăn vợ chồng lo làm ăn không nên không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không còn phù hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

10/2020 đến nay. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà P nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà La Thị P.

- Về con chung: ông L và bà P chung sống có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm N sinh năm 1989 và Phan Tấn Đ sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà La Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như ông L trình bày, bà P và ông L do quen biết, tìm hiểu nhau, cô tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988. Sau khi chung sống do cuộc vất vả nên vợ chồng lo đi làm để nuôi con nên không biết việc đăng ký kết hôn. Thời gian sau này vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Hiện bà P không còn tình cảm với ông L nên ông L yêu cầu không công nhận vợ chồng thì bà P cũng đồng ý.

- Về con chung: thời gian chung sống ông L và bà P chung sống có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm N sinh năm 1989 và Phan Tấn Đ sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Thành phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên về thời hạn nhận đơn khởi kiện: Ngày 07/01/2025, Tòa án nhận đơn khởi kiện của ông L nhưng đến ngày 07/3/2025 Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là trễ thời hạn xử lý đơn theo quy định tại Điều 191 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn L và bà La Thị P. Về con

chung: Các con đều đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Phan Tấn L và bà La Thị P là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng qui định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P đang cư trú tại TT. C, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phượng Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phan Tấn L và bà La Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Tấn L và bà La Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Xét thấy, ông Phan Tấn L và bà La Thị P là người có đủ điều kiện kết hôn theo qui định pháp luật, trong quá trình chung sống ông bà phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, ông L và bà P đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bên cạnh đó, trong thời gian chung sống giữa ông L và bà P bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 10/2020, do đó ông L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà P và bà P cũng đồng ý. Căn cứ khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn L và bà La Thị P.

[3] Về con chung: ông L và bà P chung sống với nhau có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm N sinh năm 1989 và Phan Tấn Đ sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên ông L và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: ông L và bà P trình bày tự thỏa thuận không yêu Cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: ông L và bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Ông Phan Tấn L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn L và bà La Thị P.

2. *Về con chung*: có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm N sinh năm 1989 và Phan Tấn Đ sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên ông L và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. *Về tài sản chung*: ông L và bà P trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: ông L và bà P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: ông Phan Tấn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông L đã nộp ngày 07/03/2023 theo biên lai số 0004286 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí ông L phải nộp.

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan